

Bản án số: **88/2026/KDTM-PT**
Ngày: 12/5/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Tổng Quốc Thanh
Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2026/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 299/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S1

Địa chỉ: Số 1 ngõ A N, phường T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty L1; Địa chỉ: Số A phố A, phường H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng S - Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thu H; Địa chỉ liên hệ: Tầng D tòa nhà R (Tòa B), The Matrix O, số A đường L, phường T, thành phố Hà Nội; CCCD số 033194000057 cấp ngày 25/4/2021 (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ: Tầng A tháp II tòa nhà L, phường X, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đắc N - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: P tập thể T, phường T, thành phố Hà Nội; CCCD số 038182000341 cấp ngày 21/5/2021 (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Thu P; Địa chỉ: Số D ngõ B C, phường Ô, thành phố Hà Nội; CCCD số 001180001055 cấp ngày 10/7/2021 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần Đ1 (Sau đây viết tắt là Công ty Đ) có nhu cầu mua bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho các hạng mục, công trình.

Công ty Đ và Công ty TNHH S1 (Sau đây viết tắt là Công ty S1) ký kết những Hợp đồng sau:

- Hợp đồng mua bán số 107/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ngày 01/07/2019;

- Hợp đồng mua bán số 56/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ngày 05/06/2019;

- Hợp đồng mua bán số 1001/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ngày 10/01/2020;

- Hợp đồng mua bán số 0206/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-05 ngày 02/06/2020;

- Hợp đồng mua bán số 1007/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-05 ngày 10/07/2020;

- Hợp đồng mua bán số 0307/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-06 năm 2020.

(1) Hợp đồng mua bán số 107/ACE6VN/2019/HĐM/ACE6VN-AP ngày 01/07/2019 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho các hạng mục, công trình tại dự án Vincity O.

Công ty S1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của Công ty Đ, đại diện hai bên tiến hành ký biên bản xác nhận khối lượng mua bán bê tông thương phẩm từng tháng. Công ty S1 đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 7.973.547.500 đồng. Công ty Đ đã thanh toán 5.900.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty ACE6 còn phải thanh toán cho Công ty S1 là 2.073.547.500 đồng.

(2) Hợp đồng mua bán số: 56/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ký ngày 05/06/2020 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho các

hạng mục, công trình tại dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử đầu cuối thông minh.

Công ty S1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của **Công ty Đ**, đại diện hai bên tiến hành ký biên bản xác nhận khối lượng mua bán bê tông thương phẩm từng tháng. **Công ty S1** đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 8.616.514.000 đồng. **Công ty Đ** đã thanh toán 5.500.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty ACE6 còn phải thanh toán cho **Công ty S1** là 3.116.514.000 đồng.

(3) Hợp đồng mua bán số: 1001/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ký ngày 10/01/2020 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho các hạng mục, công trình tại dự án **Nhà máy S2**.

Công ty S1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của **Công ty Đ**, đại diện hai bên tiến hành ký biên bản xác nhận khối lượng mua bán bê tông thương phẩm từng tháng. **Công ty S1** đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 1.657.666.000 đồng. **Công ty Đ** đã thanh toán 1.621.665.000 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty ACE6 còn phải thanh toán cho **Công ty S1** là 35.890.000 đồng.

(4) Hợp đồng mua bán số: 0206/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-05 ký ngày 02/06/2020 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho hạng mục : Thi công 67 căn thuộc khu SP đợt 3.2, Lô CCTP-05 Khu thấp tầng, công trình tại dự án **Vinhomes O**.

Công ty S1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của **Công ty Đ**, đại diện hai bên tiến hành ký biên bản xác nhận khối lượng mua bán bê tông thương phẩm từng tháng. **Công ty S1** đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 5.360.437.500 đồng. **Công ty Đ** đã thanh toán 3.772.918.250 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty ACE6 còn phải thanh toán cho **Công ty S1** là 1.585.519.250 đồng.

(5) Hợp đồng mua bán số 1007/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-05 ký ngày 10/07/2020 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho hạng mục: Thi công 120 căn, Lô CCTP – 14 Khu biệt thự thấp tầng, công trình dự án **Vinhomes O**, địa điểm : **Thị trấn C, huyện G, Hà Nội** giữa **Công ty S1** và **Công ty Đ**.

Công ty S1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của **Công ty Đ**, đại diện hai bên tiến hành ký biên bản xác nhận khối lượng mua bán bê tông thương phẩm từng tháng. **Công ty S1** đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 4.908.325.302 đồng. **Công ty Đ** đã thanh toán 1.000.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty ACE6 còn phải thanh toán cho **Công ty S1** là 3.908.325.302 đồng.

(6) Hợp đồng mua bán số: 0307/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-06 ký năm 2020 về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho hạng mục: Thi công KC BTCT móng, hầm, thân và hoàn thiện cơ bản, sơn bả ngoài nhà, TMDV kết hợp để xe lô B5 – CC01 – VH Ocean Park, công trình **Vinhomes O**, địa điểm: **Thị trấn C, huyện G, TP.** giữa **Công ty S1** và **Công ty Đ**

Công ty S1 đã tiến hành cung cấp dịch vụ và thực hiện công việc theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của **Công ty Đ**, đại diện hai bên tiến hành ký biên bản xác nhận khối lượng mua bán bê tông thương phẩm từng tháng. **Công ty S1** đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 5.943.805.000 đồng. **Công ty Đ** đã thanh toán 5.623.409.250 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty ACE6 còn phải thanh toán cho **Công ty S1** là 320.395.750 đồng.

Công ty S1 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc **Công ty Đ** phải thanh toán cho **Công ty S1** số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/12/2024 là 19.374.857.076 đồng;

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi đến khi **Công ty Đ** hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

** Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:*

Công ty Đ có ký 06 Hợp đồng mua bán hàng hóa với **Công ty S1**. Tổng số tiền phát sinh theo các hợp đồng là 51.612.108.940 đồng, **Công ty Đ** đã thanh toán 40.569.912.138 đồng, số tiền **Công ty Đ** còn phải thanh toán là 11.042.191.802 đồng

Công ty Đ đã nỗ lực thu hồi vốn của Chủ đầu tư về để thanh toán. Hiện tại **Công ty Đ** đang rất khó khăn về tài chính, nhiều thời điểm hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn và một số công trình phải tạm dừng thi công do Chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn.

Công ty Đ đề nghị **Công ty S1** đồng ý với lộ trình kế hoạch với giá trị còn lại của các hợp đồng cụ thể như sau.

- Lần 1 trước ngày 30/06/2025: 1.000.000.000 đồng.
- Lần 2 trước ngày 30/09/2025: 1.500.000.000 đồng.
- Lần 3 trước ngày 31/12/2025: 1.500.000.000 đồng.
- Lần 4 trước ngày 31/03/2026: 1.500.000.000 đồng.
- Lần 5 trước ngày 30/06/2026: 1.500.000.000 đồng.
- Lần 6 trước ngày 30/09/2026: 1.500.000.000 đồng.
- Lần 7 trước ngày 31/12/2026: 1.500.000.000 đồng.
- Lần 8 trước ngày 31/03/2027: 1.042.191.802 đồng.

Tại phiên toà:

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty S1 yêu cầu buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo ngày đối chiếu công nợ (từ ngày 24/05/2021) đến ngày 25/09/2025 là 15.158.926.623 đồng, trong đó nợ gốc là 11.042.191.802 đồng và nợ lãi là 4.116.734.821 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 87/2025/KDTM-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH S1 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với Công ty cổ phần Đ.

Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH S1 số tiền nợ phát sinh theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa là 11.042.191.802 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại là 8.5%/năm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 30/9/2025 Công ty S1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm không khách quan, có thiếu sót trong áp dụng pháp luật gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty S1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S1.

Tại phiên toà phúc thẩm:

* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi từ ngày 24/5/2021 đến ngày 25/9/2025 với lãi suất 8,58%/năm.

Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 11.042.191.802 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì các Hợp đồng mua bán hàng hóa không thỏa thuận và thỏa thuận không cụ thể về tiền lãi. Mặt khác hiện nay bị đơn đang rất khó khăn, chưa có khả năng thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty S1. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội theo hướng buộc Công ty Đ phải thanh toán khoản tiền lãi.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty S1 trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận.

2. Xét kháng cáo của Công ty S1:

2.1. Về tính hợp pháp của các Hợp đồng mua bán hàng hóa:

Công ty S1 và Công ty Đ là các pháp nhân được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, đã giao kết Hợp đồng tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Về số tiền nợ gốc: Công ty ACE6 xác nhận số tiền nợ gốc còn nợ Công ty S1 là 11.042.191.802 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là có căn cứ.

2.3. Về yêu cầu tính lãi:

Các Hợp đồng mua bán số 56/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ngày 01/7/2019; Hợp đồng mua bán số 1001/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ngày 10/01/2020; Hợp đồng mua bán số 107/ACE6VN/2019/HĐMB/ACE6VN-AP ngày 01/7/2019 không có thỏa thuận về tiền lãi do chậm thanh toán.

Các Hợp đồng mua bán số 0206/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-05; Hợp đồng mua bán số 1007/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-05; Hợp đồng mua bán số 0307/2020/HĐ/ACE6-AP/CCTP-06 hai bên có thỏa thuận lãi chậm thanh toán nhưng thỏa thuận không cụ thể, rõ ràng.

Xét thấy: Ngày 24/5/2021, hai bên đã ký đối chiếu công nợ, bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc còn nợ nguyên đơn nhưng không thanh toán đầy đủ nên phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các Hợp đồng mua bán hàng hóa hai bên chỉ thỏa thuận về thời hạn thanh toán, việc tính lãi suất chậm thanh toán không được

quy định trong hợp đồng, hai bên đối chiếu công nợ cũng không yêu cầu tính lãi suất mà chỉ thanh toán số tiền nợ gốc để không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi là không đúng quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận.

* Thời gian tính lãi:

Công ty S1 yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán tiền lãi từ ngày hai bên ký đối chiếu công nợ 24/5/2021.

Xét thấy: Công ty S1 đã thực hiện đúng cam kết hợp đồng, cung cấp bê tông và xuất hóa đơn đầy đủ nhưng Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 24/5/2021 hai bên đối chiếu công nợ, Công ty Đ xác nhận còn nợ Công ty S1 số tiền 23.003.225.750 đồng. Công ty S1 yêu cầu tính lãi từ ngày 24/5/2021 với số tiền nợ gốc 11.042.191.802 đồng là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

* Về mức lãi suất:

Theo mức lãi suất của 03 Ngân hàng thương mại thể hiện: Mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 là 6%/năm, của Ngân hàng thương mại cổ phần N2 là 6,4%/năm, của Ngân hàng thương mại cổ phần C là 9,5%/năm. Do đó mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là 10,95%/năm.

Công ty S1 yêu cầu buộc Công ty ACE6 trả lãi với lãi suất 8,58%/năm là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

* Về số tiền lãi cụ thể:

- Số tiền lãi từ ngày 24/5/2021 đến ngày 25/9/2025:

$11.042.191.802 \text{ đồng} \times 8,58\%/\text{năm} \times 1585 \text{ ngày} = 4.112.940.391 \text{ đồng}$

Từ những phân tích trên, thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty S1.

4. Về cách tuyên tiền lãi chậm thi hành án: Toà án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 8,5%/năm là không đúng hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, do đó sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

5. Án phí sơ thẩm:

Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Công ty S1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Án phí phúc thẩm:

Do được chấp nhận kháng cáo nên Công ty S1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 148, Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 50, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH S1

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 87/2025/KDTM-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH S1 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với Công ty cổ phần Đ.

2. Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH S1 số tiền 15.155.132.193 đồng, trong đó nợ gốc là 11.042.191.802 đồng, nợ lãi là 4.112.940.391 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần Đ phải chịu 123.155.132 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH S1 64.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0075654 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - thành phố Hà Nội)

- Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty TNHH S1 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014071 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4-Hà Nội;;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHIÊN TÒA

TH

Nguyễn Thị Hạnh

Tống Quốc Thanh

Nguyễn Thị Hạ

Trần Anh Tuấn

Tống Quốc Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Hạnh Tống Quốc Thanh

Trần Anh Tuấn

Bùi Đức Bằng

Nguyễn Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4-Hà Nội;;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Đường sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Đường sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Đường sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Đường sự;
- Lưu VP, HS.

Trần Anh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- ★ ★ ★ -----

BÁO CÁO
XÉT XỬ VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: lãnh đạo Tòa án nhân dân quận Đống Đa

Tôi là: Trần Anh Tuấn, thẩm phán

Báo cáo vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 98/2020/TLST-KDTM ngày 20/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt", giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Long Thịnh Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 ngõ 58/1 phố Hoàng Đạo Thành, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại và truyền thông Vinasing

Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà Ocean Part, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Nội dung vụ án: Ngày 05/7/2018 Công ty TNHH MTV L2 và Công ty cổ phần T1 ký hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 01/HĐKT/VNS-LTVN. Theo hợp đồng, Công ty L2 cung cấp và lắp đặt hệ thống biển hộp đèn tại các cầu bộ hành trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình. Công ty L2 đã thực hiện theo hợp đồng đã ký. Ngày 10/4/2019 Công ty L2 và Công ty T1 đã ký nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tuy nhiên Công ty T1 mới chỉ thanh toán cho Công ty L2 2.500.000.000 đồng. Công ty L2 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty T1 phải trả số tiền 3.808.400.000 đồng.

Ngày 19/5/2021 nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/4/2021 là 685.512.000 đồng (Lãi suất 9%/năm); Tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ; Buộc bị đơn phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng là 304.672.000 đồng.

Thẩm phán đề xuất:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi do chậm thanh toán

Không chấp nhận yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền thanh toán. Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

Người báo cáo

Trần Anh Tuấn